

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TC
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 05-7-2024

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Mai Xiêng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Thị Vinh

2. Ông Lò Văn Quốc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tiến Dũng- Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Bích Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2024/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 07 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị V, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Bản N, xã C, huyện TC, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Quàng Văn N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Bản N, xã C, huyện TC, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lò Thị V trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị V và anh Quảng Văn N kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 06/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Pha, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Lò Thị V và anh Quảng Văn N đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay. Chị Lò Thị V xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị ly hôn với anh Quảng Văn N.

Về con chung: Chị Lò Thị V và anh Quảng Văn N có 02 (hai) con chung là cháu Quảng Thị Ngọc Bích, sinh ngày 06/11/2017 và cháu Quảng Thị Thanh Tâm, sinh ngày 05/02/2020.

Hiện tại cháu Quảng Thị Ngọc Bích và cháu Quảng Thị Thanh Tâm đang ở với chị Vui. Chị Lò Thị V có nơi cư trú ổn định. Chị Lò Thị V trồng trọt, chăn nuôi, buôn bán thêm, có thu nhập, thu nhập bình quân là 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/ tháng. Chị Vui có đủ điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con.

Chị Lò Thị V đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu Quảng Thị Ngọc Bích và cháu Quảng Thị Thanh Tâm.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị V không yêu cầu anh Quảng Văn N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lò Thị V cam đoan không có nợ chung.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 15/4/2024, ngoài những tài liệu, chứng cứ do chị Vui đã giao nộp, chị Vui không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Tại biên bản xác minh ngày 08/4/2024 tại bản Ngà Phát, xã Chiềng Pha, huyện TC, tỉnh Sơn La, chị Lò Thị V và anh Quảng Văn N có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Pha, huyện TC, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn không nắm rõ. Hiện tại chị Vui và anh Ngọc đã sống ly thân, chị Vui bỏ về nhà bố, mẹ ở bản Nà Lầu, xã Mường É, huyện TC. Chị Lò Thị V và anh Quảng Văn N có 02 (hai) con chung cháu Quảng Thị Ngọc Bích, sinh ngày 06/11/2017 và cháu Quảng Thị Thanh Tâm, sinh ngày 05/02/2020. Cháu Quảng Thị Ngọc Bích và cháu Quảng Thị Thanh Tâm ở với chị Lò Thị V tại bản Nà Lầu, xã Mường É, huyện TC từ năm 2021 cho đến nay. Tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Không nắm được.

Chị Lò Thị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Chị Vui giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trong bản tự khai.

Bị đơn anh Quàng Văn N đã được triệu tập hợp lệ, giao thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhân dân huyện TC. Anh Quàng Văn N không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không viết bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị V được ly hôn anh Quàng Văn N.

Về con chung: Giao cháu Quàng Thị Ngọc Bích, sinh ngày 06/11/2017 và cháu Quàng Thị Thanh Tâm, sinh ngày 05/02/2020 cho chị Lò Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Quàng Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lò Thị V, anh Quàng Văn N không có nợ chung.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Lò Thị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn chị Lò Thị V yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn anh Quảng Văn N có địa chỉ tại bản Ngà Phát, xã Chiềng Pha, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Lò Thị V, bị đơn anh Quảng Văn N: Nguyên đơn chị Lò Thị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn anh Quảng Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ ba vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lò Thị V và anh Quảng Văn N kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 06/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng Pha, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện, sau khi kết hôn được một thời gian có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Lò Thị V cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Quảng Văn N.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai, biên bản xác minh tại chính quyền địa phương.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Vui và anh Ngọc lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xử cho chị Lò Thị V được ly hôn anh Quảng Văn N. Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung*: Chị Lò Thị V và anh Quảng Văn N có 02 (hai) con chung là cháu Quảng Thị Ngọc Bích, sinh ngày 06/11/2017 và cháu Quảng Thị Thanh Tâm, sinh ngày 05/02/2020. Hiện tại cháu Quảng Thị Ngọc Bích và cháu Quảng Thị Thanh Tâm đang sống chung với chị Lò Thị V.

Chị Lò Thị V đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu Quảng Thị Ngọc Bích và cháu Quảng Thị Thanh Tâm. Chị Lò Thị V không yêu cầu anh Quảng Văn N cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Vui, anh Ngọc đều có nơi cư trú rõ ràng. Chị Lò Thị V trồng trọt, chăn nuôi, buôn bán thêm, có thu nhập, thu nhập bình quân là 9.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng/ tháng. Chị Vui có đủ điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con. Hiện tại chị Vui là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu Quảng Thị Ngọc Bích và cháu Quảng Thị Thanh Tâm.

Từ các căn cứ nêu trên xét thấy: Để đảm bảo quyền, lợi ích của con, sự phát triển về tâm sinh lý, cần giao cả hai cháu Quảng Thị Ngọc Bích, sinh ngày

06/11/2017 và cháu Quàng Thị Thanh Tâm, sinh ngày 05/02/2020 cho chị Lò Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Quàng Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung (chị Lò Thị V không yêu cầu cấp dưỡng).

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về tài sản riêng:* Không có.

[6] *Về nợ chung:* Chị Lò Thị V, anh Quàng Văn N không có nợ chung.

[7] *Về án phí:* Chị Lò Thị V có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm, xét thấy chị Lò Thị V là người dân tộc thiểu số, sống ở bản có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Lò Thị V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị V được ly hôn anh Quàng Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Quàng Thị Ngọc Bích, sinh ngày 06/11/2017 và cháu Quàng Thị Thanh Tâm, sinh ngày 05/02/2020 cho chị Lò Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Quàng Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung (chị Lò Thị V không yêu cầu cấp dưỡng).

4. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về tài sản riêng: Không có.

6. Về nợ chung: Chị Lò Thị V và anh Quàng Văn N không có nợ chung.

7. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Lò Thị V. Hoàn trả lại chị Lò Thị V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ

thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0000983, ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Sơn La.

8. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị V, anh Quàng Văn N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã Chiềng Pha, huyện TC, tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lò Mai Xiêng